



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 09 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm (Phòng KCS).**

Laboratory: **Test of product quality department.**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM**

Organization: **DAP-VINACHEM Joint Stock Company.**

Số hiệu/ Code: **VILAS 700**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**

Field: **Chemical**

Người quản lý: **Nguyễn Tiến Lực**

Laboratory manager: **Luc Tien Nguyen**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày/ from /09/2026 đến ngày/ to /09/2031**

Địa chỉ: **Lô N5.8, Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.**

Address: **Lot N5.8, Dinh Vu Industrial Park, belonging to Dinh Vu, Cat Hai Economic Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Viet Nam.**

Địa điểm: **Lô N5.8, Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.**

Location: **Lot N5.8, Dinh Vu Industrial Park, belonging to Dinh Vu, Cat Hai Economic Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Viet Nam.**

Điện thoại/ Tel: **(84.225) 3979370**

Email: **kcs.dap.hp@gmail.com**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 700

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Quặng Apatit <i>Apatite ore</i>	Xác định độ ẩm Phương pháp trọng lượng <i>Determination of moisture Gravimetric method</i>	(5 ~ 25)%	TCVN 180: 2009
2.		Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ Phương pháp trọng lượng <i>Determination of P₂O₅ content Gravimetric method</i>	(5 ~ 35)%	TCVN 180: 2009
3.	Lưu huỳnh <i>Sulphur</i>	Xác định độ ẩm Phương pháp trọng lượng <i>Determination of moisture Gravimetric method</i>	(0,1 ~ 5)%	TCCS 01:2026
4.	Than đá <i>Hard coal</i>	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Phương pháp 1 giai đoạn B2 <i>Determination of total moisture Single-stage method, B2</i>	(5 ~ 15)%	TCVN 172: 2019 ISO 589:2008
5.	Phân bón DAP <i>DAP fertilizer</i>	Xác định độ ẩm Phương pháp trọng lượng <i>Determination of moisture Gravimetric method</i>	(0,5 ~ 5)%	TCVN 8856: 2018
6.	Phân bón <i>Fertilizers</i>	Xác định hàm lượng nước (tự do) Phương pháp sấy chân không <i>Determination of water (free) content Vacuum desiccation method</i>	(0,5 ~ 5)%	AOAC 965.08
7.	Phân bón (ngoại trừ phân bón chứa nitrat) <i>Fertilizers (excluding nitrate-containing fertilizers)</i>	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số Phương pháp chưng cất chuẩn độ <i>Determination of total nitrogen content Titration distillation method</i>	(5,0 ~ 25)%	TCVN 8557:2010
8.	Phân bón <i>Fertilizers</i>	Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu Phương pháp trắc quang <i>Determination of available P₂O₅ content Photometric method</i>	(5,0 ~ 50)%	TCVN 8559:2010

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 700**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
9.	Phân bón Fertilizers	Xác định hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu Phương pháp trọng lượng <i>Determination of available P_2O_5 content Gravimetric method</i>	(5,0 ~ 50)%	AOAC 993.31
10.		Xác định hàm lượng P_2O_5 Phương pháp trọng lượng quinoline phosphomolybdate <i>Determination of P_2O_5 content Quinolinephosphomolybdate gravimetric method</i>	(5,0 ~ 50)%	ISO 6598:1985
11.	Axit sunphuric Sulphuric acid	Xác định hàm lượng H_2SO_4 Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of H_2SO_4 content Titration method</i>	(5,0 ~ 98,5)%	TCCS 06:2026
12.	Axit photphoric Phosphoric acid	Xác định hàm lượng P_2O_5 Phương pháp trọng lượng <i>Determination of P_2O_5 content Gravimetric method</i>	(5,0 ~ 60)%	TCCS 02:2026

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/ *Vietnam Standards*
- AOAC: AOAC International (tên cũ là Hiệp hội các nhà hoá phân tích chính thống) *AOAC International (formerly named the Association of Analytical Communities/ Association of Official Analytical Chemists)*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/ *International Organization for Standardization.*
- TCCS: Phương pháp thử do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed method*

Trường hợp Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the DAP-VINACHEM Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

